

Số: **04** /CT-UBND

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 6 năm 2018

CHỈ THỊ
**Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019**

Dự báo năm 2019, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi chung của cả nước, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục có chuyển biến tích cực, song bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại, khó khăn nhất định, đòi hỏi các cấp, các ngành phải tiếp tục tập trung khắc phục, nỗ lực đổi mới, vượt qua thách thức, phấn đấu đạt được những kết quả quan trọng hơn nữa, tiếp tục tạo nền tảng để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành tập trung xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2018 với những yêu cầu và nội dung chủ yếu sau:

A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

1. Đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, bao gồm: Các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2018; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và có những giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019 sát thực tế, đúng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ ngành trung ương.

2. Trên cơ sở các kết quả đạt được và dự báo tình hình phát triển trong năm 2019, căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 28/4/2016 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm 2016-2020 và các điều kiện thực tế, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

3. Việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 phải được triển khai đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành và UBND các cấp.

5. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả; tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chính sách, giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ về tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế phù hợp với điều kiện của tỉnh, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2019 của tỉnh từ 6,4-6,8%. Tiếp tục phát triển nông - lâm nghiệp gắn với sản xuất hàng hóa; đôn đốc, tháo gỡ khó khăn và phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến; tăng cường quản lý đầu tư công; nâng cao chất lượng dịch vụ, du lịch, đa dạng hóa loại hình dịch vụ. Tăng cường công tác xúc tiến thu hút đầu tư. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và đề án mỗi xã một sản phẩm; phát triển hợp tác xã, đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất. Triển khai thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ rừng, nhất là công tác quản lý rừng đặc dụng theo Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 15/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.2. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020 và Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018-2020; tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động ổn định; đôn đốc, thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các nhà máy đang tạm dừng sản xuất để hoạt động trở lại; chỉ đạo hoàn thành đúng tiến độ của các dự án công nghiệp lớn.

1.3. Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, trọng tâm là du lịch Hồ Ba Bể; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư phát triển du lịch hồ Ba Bể. Phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; đẩy mạnh xã hội hóa các loại hình dịch vụ y tế, giáo dục.

1.4. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 - 2020 theo chỉ đạo của Chính phủ: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất

lượng cao gắn với định hướng phát triển của tỉnh; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, đặc biệt là hệ thống hạ tầng nông thôn gắn với chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy nhanh tiến độ các dự án lớn trên địa bàn tỉnh như ĐT 254; ĐT 258B,...

1.5. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, nhất là các chỉ số thành phần đạt thấp, tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư có chất lượng. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 79-KH/TU, số 80-KH/TU ngày 15/11/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.6. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai Luật Quy hoạch; tổ chức lập quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030 theo quy định của Luật Quy hoạch

2. Thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội

2.1. Thực hiện tiến bộ, công bằng và bảo đảm an sinh xã hội: Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi đối với người có công, các đối tượng yếu thế trong xã hội; chương trình giải quyết việc làm gắn với đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình xây dựng nông thôn mới; chính sách bảo hiểm xã hội, mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2.2. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Cùng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, không để xảy ra các sự cố y khoa. Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Đổi mới cơ chế tài chính, mở rộng quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

2.3. Tập trung đổi mới, tạo chuyên biến căn bản, mạnh mẽ và chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện việc rà soát, quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp học; đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục các bậc học trên địa bàn tỉnh.

2.4. Thực hiện có hiệu quả các chương trình/dự án khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.

2.5. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc; nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục, thể thao. Thực hiện hiệu quả chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chú trọng công tác người cao tuổi, người khuyết tật. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc và tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục lao động xã hội.

2.6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nhất là trong phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; tăng phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa, miền núi. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

3. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản. Tập trung kiểm soát và khắc phục ô nhiễm môi trường. Kiên quyết xử lý các cơ sở sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Xây dựng hệ thống quan trắc, cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao khả năng phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

4. Về cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ, kiến tạo phát triển. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 26/4/2015 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020, chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020. Trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ nhà nước. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chính sách cải cách tiền lương của Chính phủ, tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động.

Tiếp tục thực hiện tốt Đề án số 03-ĐA/TU ngày 10/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ.

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng, tiêu cực như: quản lý đất đai, tài sản công, đầu

tư xây dựng, sử dụng NSNN. Thực hiện tốt Luật tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc đông người, phức tạp, tồn đọng, kéo dài, không để trở thành “điểm nóng” gây mất an ninh trật tự. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Chỉ thị số 34-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

5. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa. Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

6. Về đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch 2016-2020

6.1. Triển khai đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 28/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 5 năm 2016-2020, trong đó tập trung đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách, cơ cấu lại nền kinh tế; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh..., các tồn tại, hạn chế; phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan trong các năm 2016, 2017 và ước thực hiện 2018.

6.2. Dự báo tình hình trong nước, khu vực và của tỉnh, những cơ hội, thách thức trong những năm còn lại của giai đoạn 2018 - 2020, xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 đã đề ra.

III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

1. Đối với dự toán NSNN năm 2019

1.1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành trên cơ sở đánh giá khả năng thu ngân sách nhà nước năm 2018; đồng thời, phân tích dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2019; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại; tăng cường xử lý nợ thuế.

Các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách; thực hiện rà soát, lập dự toán sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không để phần dư địa để thực hiện giao chỉ tiêu phần đầu thu, lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu của Chính phủ giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở đó, đặt mục tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2019 tăng 16%. Dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) tăng 15% so với ước thực hiện năm 2018. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

1.2. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước

Căn cứ vào dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách; trên cơ sở mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2019; căn cứ thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương năm 2017, ước thực hiện năm 2018 để xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (chi đầu tư, chi thường xuyên) chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; xác định dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương để thực hiện các chính sách, chế độ của trung ương sau khi đã chủ động sử dụng các nguồn của địa phương (kể cả nguồn cải cách tiền lương còn dư theo quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho NSDP thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017 - 2020).

Tiếp tục quán triệt yêu cầu thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, minh bạch ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2019. Chi trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2019, cần chú ý các nội dung sau:

a). Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 08/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển

nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và các văn bản hướng dẫn khác.

Thực hiện rà soát, đánh giá lại kế hoạch đầu tư công trung hạn, kiến nghị điều chỉnh trong phạm vi tổng mức kế hoạch đã được phê duyệt cho phù hợp với yêu cầu phát triển mới; ưu tiên bố trí dự toán năm 2019 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước, bố trí vốn cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2019; tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm tạo sức lan tỏa và kết nối phát triển.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Dự toán nguồn thu này trong dự toán thu cân đối ngân sách địa phương, sử dụng toàn bộ cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các công trình phúc lợi xã hội khác theo quy định, phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi thường xuyên

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực cụ thể, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, bao gồm cả các chính sách đối với các đối tượng nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương (Khóa XII) và Kết luận 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021, thực hiện rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm đầu mối, tránh chồng chéo; triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng hiện đại...

Tập trung hoàn thiện, ban hành các danh mục sự nghiệp công sử dụng NSNN; đẩy nhanh việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đẩy mạnh việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo khối lượng, đơn giá được phê duyệt và nghiệm thu theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

c) Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí giai đoạn 2016 - 2020 đã được thông báo phân bổ, mức kế hoạch vốn đã bố trí giai đoạn 2016 - 2018 và khả năng thực hiện, các Sở, ban, ngành, địa phương lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019 và phù hợp với quy định hiện hành.

d) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, tiến độ khả năng thực hiện dự án năm 2019 và trong phạm vi hạn mức vốn ngoài nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án, các đơn vị thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp; ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả cấp phát và cho vay lại phải làm rõ mức vốn cho từng phần. Đối với các chương trình, dự án ô, phân định rõ trách nhiệm và hạn mức giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài giữa bộ chủ quản trung ương và địa phương theo đúng nhiệm vụ chi ngân sách từng cấp.

đ) Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương

Các đơn vị tiếp tục lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương bao gồm: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư...); nguồn dành ra do triển khai thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII).

e). Ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

f) Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2018 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2019 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

g) Đối với bội chi/bội thu vay và trả nợ của ngân sách địa phương

Ngân sách cấp tỉnh chỉ được phép bội chi khi đáp ứng đủ các điều kiện của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn. Thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất, quyết định các khoản vay mới. Đối với các dự án ODA và vay ưu đãi, các cơ quan chuyên môn chủ động tham mưu cho UBND tỉnh phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương hoàn thiện các thủ tục ký kết Hiệp định để có đủ cơ sở bố trí kế hoạch giải ngân vốn vay trong dự toán năm 2019 và dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là

các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho vay lại. Nếu tình có mức dư nợ huy động vượt mức giới hạn dư nợ cho vay, phải dành nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, đảm bảo mức dư nợ vay không vượt quá mức dư nợ vay của địa phương theo quy định.

2. Xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021

Thực hiện Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm, căn cứ các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 02 năm còn lại của kế hoạch 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh theo quy định của Luật NSNN năm 2015, Luật quản lý nợ công sửa đổi và các văn bản hướng dẫn; các đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp theo quy định.

Trong quá trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm 2019 - 2021, cần rà soát, cập nhật, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nợ công đã đề ra cho cả giai đoạn 2016 - 2020, đề xuất các giải pháp phân đầu phát triển quy mô ngân sách theo hướng an toàn, bền vững. Trên cơ sở mục tiêu, kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), tính toán đầy đủ các tác động, xác định nguồn lực ngân sách có thể dành ra từ sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công để tạo nguồn cải cách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

1. Về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019

Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành và chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản này, trong đó lưu ý:

1.1. Đối với kế hoạch đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định nêu trên.

1.2. Đối với kế hoạch đầu tư nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: Tính toán xác định các khoản thu theo quy định của Luật Đầu tư công.

1.3. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin qua Hệ thống thông tin đầu tư công quốc gia; triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công 2018 thông qua hệ thống tài khoản được phân quyền trên địa chỉ <https://dautucong.mpi.gov.vn>.

2. Về rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ kế hoạch đầu tư công đã được Quốc hội thông qua, Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa

phương), Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh về điều chỉnh Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương); căn cứ các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 02 năm còn lại của kế hoạch 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020; các sở, ngành và địa phương triển khai rà soát các nội dung sau:

2.1. Đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và khó khăn, thách thức sau 03 năm thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

2.2. Dự kiến tình hình thực hiện và khả năng giải ngân của từng dự án đã được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn, tổng hợp tình hình thực hiện và khả năng giải ngân các nguồn vốn trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn đã được giao còn lại trong 02 năm 2019 và 2020.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2019.

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì:

- Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ đạo của UBND tỉnh khẩn trương hướng dẫn các cấp, ngành của tỉnh xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2019; đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổng hợp, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2019; đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 20/7/2018** để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31/7/2018.

1.2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2019; đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư đúng thời gian quy định.

2. Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

2.1. Sở Tài chính chủ trì:

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019-2021 của tỉnh Bắc Kạn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố tổng hợp, xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019-2021 của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đúng thời gian quy định.

2.2. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố chủ động xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019-2021 theo hướng dẫn; gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, báo cáo Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị, tổ chức liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Các đơn vị không có TDOffice;

Gửi bản điện tử:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Lưu: VT, các CV NCTH, Việt. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải